

Bản án số: 39/2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lê Văn Ninh
2. Ông Phạm Lành

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà
Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2021 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 989/2020/
TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐXX- ST ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thanh Y, sinh năm 1993. Có mặt
HKTT: Tổ 14 nay là tổ 8, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị đơn:** Anh Hồ Anh T, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt
HKTT: Tổ 7, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai tại Tòa án chị Phạm Thị Thanh Y trình bày: Chị và anh Hồ Anh T kết hôn năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 7, phường P, thành phố TN hạnh phúc được khoảng 4 tháng cho đến khi chị sinh con thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống và tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, chị và con trai đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 8, phường G, thành phố TN sinh sống, hai vợ chồng chị cũng ly thân kể từ tháng 5/2020 cho đến nay. Chị Y xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y xác định chị và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Chị Y đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ: Đăng ký kết hôn giữa chị Y, anh T (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình chị Y, sổ hộ khẩu gia đình anh T (công chứng); chứng minh nhân dân chị Y, anh T (công chứng); Hợp đồng lao động của chị Y và Công ty TNHH giải pháp kinh doanh thể hệ mới VNNG (công chứng); bản sao kê thanh toán tiền lương tại ngân hàng Vietcombank (bản sao).

Bị đơn anh Hồ Anh T trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án trình bày: Anh công nhận lời khai của chị Y về quá trình kết hôn, con chung và tài sản chung, công nợ chung là đúng. Về nguyên nhân chị Y đề nghị ly hôn với anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Trong biên bản hòa giải ngày 28/01/2021 anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị Y. Về con chung anh đồng ý để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, công nợ chung không có. Đến ngày 03/2/2021 anh T có đơn đề nghị hủy kết quả hòa giải thành ngày 28/01/2021 với lý do anh vẫn còn tình cảm với vợ con và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để hai vợ chồng thỏa thuận trao đổi lại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của các đương sự đồng thời cho hai bên tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị Y giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh T; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, công nợ chung không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh Y, cho chị Y được ly hôn với anh Hồ Anh T. Về con chung giao cháu Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung. Việc cấp dưỡng không giải quyết do

chị Y không yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do chị Y không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thanh Y và anh Hồ Anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do chị Y, anh T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến việc xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Anh T trong các bản khai và biên bản hòa giải ngày 28/01/2021 cũng thừa nhận lời khai của chị Y về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng và đồng ý ly hôn với chị Y. Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành ghi nhận ý kiến thỏa thuận giữa hai bên. Đến ngày 03/2/2021 anh T có đơn đề nghị hủy kết quả hòa giải thành ngày 28/01/2021 với lý do anh vẫn còn tình cảm với vợ con và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để hai vợ chồng thỏa thuận trao đổi lại.

Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử chị Y và anh T vẫn không tự thỏa thuận được việc ly hôn, trong phiên hòa giải ngày 9/4/2021 anh T vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong khi chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Y đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: có 01 con chung là Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020. Xét ý kiến của các đương sự thấy, chị Y có đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hồ Minh K. Về điều kiện nuôi con, chị khai đang làm tại Công ty TNHH giải pháp kinh doanh thể hệ mới VNNG, thu nhập hàng tháng ít nhất là 20.000.000đ đủ điều kiện để trang trải cuộc sống hai mẹ con. Do công việc kinh doanh của chị thoải mái nên có thời gian đưa đón con đi học và chăm sóc con. Bản thân anh T trong bản tự khai ngày 18/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 28/01/2021 cũng đồng ý để chị Y nuôi con là Hồ Minh K và hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, chị Y có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc con nên chấp nhận yêu cầu của chị Y.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị Y không có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Tòa án không giải quyết do hai bên đương sự không có yêu cầu.

5. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Thanh Y phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh Y. Cho chị Phạm Thị Thanh Y được ly hôn với anh Hồ Anh T.

2. **Về con chung**: Giao cháu Hồ Minh K, sinh ngày 10/5/2020 cho chị Phạm Thị Thanh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3. **Về tài sản chung, công nợ chung**: Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

4. **Án phí**: Chị Phạm Thị Thanh Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003865 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. **Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NEĐ, BĐ cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tú Xuân

